

PHỤ LỤC
KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022 NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH
AN GIANG GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục các dự án, hoạt động	Tổng số	Vốn đầu tư phát triển năm 2022			Vốn sự nghiệp năm 2022			Ghi chú
			Tổng vốn đầu tư phát triển	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (đối ứng 10%)	Tổng vốn sự nghiệp	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (đối ứng 10%)	
1	2	3=4+7	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10
	TỔNG CỘNG	61.586	38.246	34.769	3.477	23.340	21.218	2.122	
1	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	13.873	10.025	9.114	911	3.848	3.498	350	
2	DỰ ÁN 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	2.552				2.552	2.320	232	
	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	<i>2.552</i>				<i>2.552</i>	<i>2.320</i>	<i>232</i>	
3	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	23.279	22.160	20.145	2.015	1.119	1.016	103	
	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc</i>	<i>23.279</i>	<i>22.160</i>	<i>20.145</i>	<i>2.015</i>	<i>1.119</i>	<i>1.016</i>	<i>103</i>	
4	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	11.783	3.913	3.557	356	7.870	7.155	715	

TT	Danh mục các dự án, hoạt động	Tổng số	Vốn đầu tư phát triển năm 2022			Vốn sự nghiệp năm 2022			Ghi chú
			Tổng vốn đầu tư phát triển	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (đối ứng 10%)	Tổng vốn sự nghiệp	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (đối ứng 10%)	
	<i>Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số</i>	4.290	3.913	3.557	356	377	343	34	
	<i>Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	848				848	771	77	
	<i>Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi</i>	6.050				6.050	5.500	550	
	<i>Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp</i>	595				595	541	54	
5	DỰ ÁN 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	2.588	1.474	1.340	134	1.114	1.013	101	
6	DỰ ÁN 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em	454				454	413	41	
7	DỰ ÁN 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	1.043				1.043	948	95	
8	DỰ ÁN 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	4.661				4.661	4.238	423	
	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù</i>	4.154				4.154	3.777	377	

TT	Danh mục các dự án, hoạt động	Tổng số	Vốn đầu tư phát triển năm 2022			Vốn sự nghiệp năm 2022			Ghi chú
			Tổng vốn đầu tư phát triển	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (đối ứng 10%)	Tổng vốn sự nghiệp	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (đối ứng 10%)	
	<i>Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	507				507	461	46	
9	DỰ ÁN 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình	1.353	674	613	61	679	617	62	
	<i>Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030</i>	455				455	414	41	
	<i>Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</i>	766	674	613	61	91	83	8	
	<i>Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình</i>	132				132	120	12	